

2016-2017年度 中一分班結果

學生註冊編號	英文姓名	中文姓名	性別	班別	舍別
s1601003	CHAN CHEUK HEI	陳焯熙	M	1A	明
s1601007	CHAN KWOK YUNG	陳國勇	M	1A	德
s1601023	ECHALUCE JOSHUA IVAN GIRON	莊志明	M	1A	至
s1601024	FU SHING CHUNG JEFFREY	傅成聰	M	1A	善
s1601025	FUK KA HEI DICK	霍家希	M	1A	明
s1601026	FUNG CHI LOK	馮至樂	M	1A	德
s1601028	FUNG YI KEI	馮伊琦	F	1A	至
s1601029	HAU MEI NING	侯美寧	F	1A	善
s1601030	HIDAYAT BAYU FEBRIAN	俞嘉明	M	1A	明
s1601057	LEUNG YEE MAN	梁依汶	F	1A	德
s1601063	MAGAS REICHEN JOHN	施倫蜜	M	1A	至
s1601064	MAN KA NAM	文嘉楠	M	1A	善
s1601067	MOK WAN CHI	莫韻芝	F	1A	明
s1601072	NG WING YAN	吳穎恩	F	1A	德
s1601075	OR KA YI	柯嘉怡	F	1A	至
s1601077	SO CHI SHING	蘇志成	M	1A	善
s1601078	SO CHUN FAI	蘇俊輝	M	1A	明
s1601079	SUN LUT	孫璫	M	1A	德
s1601081	TANG CHUNG HANG	鄧頌亨	M	1A	至
s1601083	TANG TAI KA	鄧泰嘉	M	1A	善
s1601084	TANG TSUN MAN	鄧浚汶	M	1A	明
s1601085	TANG TSZ SIN	鄧芷蓓	F	1A	德
s1601093	TSE CHEUK KI	謝卓岐	F	1A	至
s1601099	WONG CHING NGA	黃靖雅	F	1A	善
s1601101	WONG CHUN HIM	王俊謙	M	1A	明
s1601107	WONG LEUNG TAT	黃良達	M	1A	德
s1601108	WONG MAN FAI	王文輝	M	1A	至
s1601111	WONG WING YI	黃穎怡	F	1A	善
s1601129	YEUNG CHI HO	楊智灝	M	1A	明
s1601115	YEUNG KA YIU	楊家瑤	F	1A	德

2016-2017年度 中一分班結果

學生註冊編號	英文姓名	中文姓名	性別	班別	舍別
s1601123	CHAN HIU TUNG	陳曉桐	F	1B	至
s1601124	CHAN WAI CHUNG	陳偉聰	M	1B	善
s1601009	CHAN YAM	陳鑫	M	1B	明
s1601010	CHAU MAN HEI	周玟希	M	1B	德
s1601016	CHEUNG KA LUNG	張嘉隆	M	1B	至
s1601018	CHEUNG TIN YAN	張天恩	M	1B	善
s1601027	FUNG TSZ CHING	馮梓晴	F	1B	明
s1601031	HO CHEUK HIN	何卓軒	M	1B	德
s1601034	KO TSUN HEI	高浚禧	M	1B	至
s1601038	KWONG YAT HEI	鄺溢羲	M	1B	善
s1601041	LAI TSZ CHUN	黎梓俊	M	1B	明
s1601042	LAI TSZ WAI	黎子瑋	M	1B	德
s1601046	LAM YIM YUEN	林炎炫	F	1B	至
s1601047	LAU HIU TUNG	劉曉彤	F	1B	善
s1601052	LAU TSZ YUEN	劉子元	M	1B	明
s1601070	NG KA MAN	伍嘉敏	F	1B	德
s1601073	NG YING TUNG	吳映彤	F	1B	至
s1601074	NG YU HANG	吳宇恒	M	1B	善
s1601080	SUN YAT HANG	孫逸恒	M	1B	明
s1601082	TANG SIU HEI	鄧兆熙	M	1B	德
s1601089	TSANG CHEUK LONG	曾卓朗	M	1B	至
s1601092	TSANG YAT HO PERRIE	曾逸豪	M	1B	善
s1601096	WONG CAMAY	王灤喬	F	1B	明
s1601097	WONG CHI HIM	王智謙	M	1B	德
s1601098	WONG CHI LAI	黃智麗	F	1B	至
s1601100	WONG CHO KIT	黃祖傑	M	1B	善
s1601112	WU PO SING	胡寶星	F	1B	明
s1601113	WU WU YINA	吳依娜	F	1B	德
s1601120	YUEN LOK	阮洛	M	1B	至
s1601121	ZHANG YU TING	張裕婷	F	1B	善

2016-2017年度 中一分班結果

學生註冊編號	英文姓名	中文姓名	性別	班別	舍別
s1601004	CHAN CHUNG YIN	陳仲賢	M	1C	明
s1601005	CHAN HANG YEE	陳幸儀	F	1C	德
s1601006	CHAN KA YIU	陳珈瑤	F	1C	至
s1601011	CHEN CHUNG PO	陳宗寶	M	1C	善
s1601014	CHENG WAI LAM	鄭漳霖	M	1C	明
s1601020	CHIU TSZ CHIN	趙芷芊	F	1C	德
s1601022	CHU TSZ WAN	朱芷蘊	F	1C	至
s1601032	HO CHUN WAI	何俊偉	M	1C	善
s1601127	KAN HAU YEE	簡巧兒	F	1C	明
s1601035	KONG WAI SHING WINSON	江煒誠	M	1C	德
s1601039	LAI HIU PAN	賴曉彬	M	1C	至
s1601040	LAI SHING CHAK	黎承澤	M	1C	善
s1601044	LAM YEE TING	林依婷	F	1C	明
S1601131	LAU HIU YAN	劉曉欣	F	1C	至
s1601051	LAU TSZ TUNG	劉芷彤	F	1C	德
s1601053	LAU YIN CHAK	劉延澤	M	1C	至
s1601055	LEE CHEUK YIN	李卓然	M	1C	善
s1601068	NG CHI HANG	伍智鏗	M	1C	德
S1601030	PANG RIVERA ALEXANDER KIT	彭文傑	M	1C	至
s1601076	SHAM PO YING	岑寶盈	F	1C	善
s1601087	TIN KA HEI	田加希	F	1C	明
s1601104	WONG HIU YI	黃曉怡	F	1C	至
s1601106	WONG KWOK CHUEN	黃國銓	M	1C	善
s1601117	YU CHUN HUNG	余俊鴻	M	1C	明
s1601119	YUEN KA HO	袁嘉豪	M	1C	德

2016-2017年度 中一分班結果

學生註冊編號	英文姓名	中文姓名	性別	班別	舍別
s1601002	AU-YEUNG YUK SING	歐陽旭星	M	1D	至
s1601128	CHEN HEI YI	陳希爾	M	1D	善
s1601015	CHENG WING YIN	鄭穎妍	F	1D	明
s1601037	KWOK TSUN KIU	郭浚翹	M	1D	德
s1601054	LAW HEI YU HAILEY	羅焘如	F	1D	至
s1601059	LIN CHI KEI	林志基	M	1D	善
s1601065	MAN WAI KI	文慧琪	F	1D	明
s1601071	NG TSZ YING	吳芷瑩	F	1D	明
s1601086	TANG YAT HEI	鄧逸晞	M	1D	德
s1601088	TONG ON SANG	唐安生	M	1D	至
s1601091	TSANG HOI FAAN	曾凱繁	M	1D	德
s1601094	TSE TSZ TIM	謝梓添	M	1D	善
s1601114	WUN TAK HO	尹德灝	M	1D	明

2016-2017年度 中一分班結果

學生註冊編號	英文姓名	中文姓名	性別	班別	舍別
s1601001	AISHA BIBI	巫艾莎	F	1E	德
s1601008	CHAN TSZ CHUN	陳子峻	M	1E	至
s1601017	CHEUNG SUM HIN MOSES	張心騫	M	1E	善
s1601019	CHIU LONG FUNG	趙朗鋒	M	1E	明
s1601021	CHO WING SHUEN	曹穎旋	F	1E	德
s1601036	KWOK TIN FUK	郭天福	M	1E	至
s1601043	LAM TSZ HEI	林紫熹	F	1E	善
s1601048	LAU KWUN YIU	劉冠耀	M	1E	明
s1601122	LEE TSZ CHUNG	李子聰	M	1E	德
s1601056	LEUNG TSZ CHUN	梁梓駿	M	1E	至
s1601061	LIU HON MAN	劉漢文	M	1E	善
s1601062	LO WAI SUM	盧偉森	M	1E	明
s1601066	MOK CHUN YIN	莫振賢	M	1E	德
s1601126	TANG KIT YING	鄧潔盈	F	1E	至
s1601090	TSANG CHI SHING	曾志誠	M	1E	善
s1601095	TSUI HEI SUI	徐禧瑞	M	1E	明
s1601103	WONG CHUN YEUNG	黃鎮揚	M	1E	德
s1601105	WONG HOK LAI	黃學禮	M	1E	至
s1601109	WONG SUI SUM	黃帥森	M	1E	善
s1601110	WONG TSZ YU	黃梓宇	M	1E	明
s1601118	YU KA CHUN	余家俊	M	1E	德
S1601058	LIMBU UDIP	林潤庭	M	待定	待定